

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 1

NGÀNH: Hóa học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Hóa học thực phẩm	HHA0210102	7	7	2	30	30			
2	Kỹ thuật phản ứng và xúc tác	HHA0222062	7	7	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
3	Ứng dụng sắc ký trong phân tích hóa học	HHA0611203	7	7	3	37	37	16		16 / (4 tuần)
4	Các môn tự chọn		7	7	7					
	Mỹ phẩm	HHA0101032	7	7	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
	Nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng	HHA0323051	7	7	1	15	15			
	Dược lý 2	HHA0507043	7	7	3	37	37	12	4	16 / (4 tuần)
	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1	HHA0208072	7	7	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 2	HHA0208083	7	7	3	41	41		8	8 / (2 tuần)
	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng	HHA0208062	7	7	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Nghiên cứu độ ổn định của thuốc	HHA0611222	7	7	2	30	30			
	Kiểm nghiệm	HHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					14	91	91	16	12	
5	Thực tập thực tế	HHA0611313	8	8	3			90		90 / (4 tuần)
6	KLTN/ Học phần tự chọn Tốt nghiệp	HHA0099128	8	8	8					
	Thực hành tốt sản xuất thuốc và thực hành tốt phòng thí nghiệm	HHA0101092	8	8	2	30	30			
	Kỹ thuật pha chế một số chế phẩm hóa mỹ phẩm	HHA0101132	8	8	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	HHA0406032	8	8	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược	HHA0208032	8	8	2	30	30			
	Điện di và phân tích nhiệt	HHA0611082	8	8	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
	Lưu biến ứng dụng trong nghiên cứu polyme và hệ phân tán	HHA0611212	8	8	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích	HHA0611122	8	8	2	30	30			
	Xây dựng phòng thử nghiệm theo yêu cầu ISO/IEC 17025	HHA0611242	8	8	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Kiểm nghiệm thuốc sinh học	HHA0323123	8	8	3	37	37	16		16 / (4 tuần)
	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)	HHA0703122	8	8	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
Cộng:					11	0	0	90	0	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025
 TRƯỞNG
 KT. HIỆU TRƯỞNG
 ĐẠI PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 DƯỢC HÀ NỘI
 Đinh Thị Thanh Hải

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HHA0812092	5	5	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
2	Hoá dược 1	HHA0208013	5	5	3	33	33	20	4	24 / (6 tuần)
3	Hóa học thực phẩm	HHA0210102	5	5	2	30	30			
4	Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ	HHA0210063	5	5	3	45	45			
5	Các môn tự chọn		5	5	5					
	Hóa phóng xạ và ứng dụng trong dược phẩm	HHA0222092	5	5	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
	Hóa học cây thuốc	HHA0406073	5	5	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
	Hóa tổ hợp	HHA0210072	5	5	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Quản lý học đại cương	HHA0703222	5	5	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	HHA0703312	5	5	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
Cộng:						15	130	130	20	12
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	HHA0812072	6	6	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
7	Tiếng Anh chuyên ngành	HHA0813122	6	6	2	30	30			
8	Hoá dược 2	HHA0208022	6	6	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
9	Kỹ thuật phản ứng và xúc tác	HHA0222062	6	6	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
10	Động học các chất ngoại sinh	HHA0507102	6	6	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
11	Các môn tự chọn		6	6	5					
	Bào chế	HHA0101123	6	6	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	HHA0222013	6	6	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
	Dược lý 1	HHA0507032	6	6	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích	HHA0611122	6	6	2	30	30			
	Độc chất	HHA0611012	6	6	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
	Phân tích thuốc phóng xạ	HHA0611232	6	6	2	30	30			
Cộng:						15	117	117	36	21

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày tháng năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đinh Thị Thanh Hải
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 3

NGÀNH: Hóa học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kinh tế chính trị Mác Lênin	HHA0812062	3	3	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
2	Giáo dục thể chất 3 *	HHA0816031	3	3	1			15		15 / (8 tuần)
3	Hóa lý 1	HHA0118032	3	3	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
4	Hóa hữu cơ 2	HHA0210022	3	3	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Hoá phân tích 2	HHA0611173	3	3	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
6	Môi trường	HHA0611062	3	3	2	30	30			
7	Quy hoạch thực nghiệm	HHA0611192	3	3	2	30	30			
8	Các môn tự chọn		3	3	3					
	Hóa học vật liệu	HHA0222082	3	3	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
	Dược xã hội học	HHA0703032	3	3	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Thực vật	HHA0417013	3	3	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
Cộng:					16	161	161	67	8	
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HHA0812052	4	4	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
10	Giáo dục quốc phòng an ninh*	HHA0099418	4	4	8	77	77	72	16	88 / (2 tuần)
11	Hoá sinh	HHA0315013	4	4	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
12	Hóa lý 2	HHA0118043	4	4	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
13	Hoá phân tích 3	HHA0611183	4	4	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
14	Cơ sở lý thuyết tổng hợp hữu cơ	HHA0210092	4	4	2	30	30			
15	Hóa học các hợp chất tự nhiên	HHA0406063	4	4	3	45	45			
Cộng:					16	275	275	140	24	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 4

NGÀNH: Hóa học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Triết học Mác Lênin	HHA0812083	1	1	3	33	33			
2	Tiếng Anh 1	HHA0813092	1	1	2	30	30		12	12 / (3 tuần)
3	Tin học ứng dụng	HHA0819092	1	1	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
4	Giáo dục thể chất 1 *	HHA0816011	1	1	1			15		15 / (8 tuần)
5	Pháp luật đại cương	HHA0703282	1	1	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
6	Vật lý ứng dụng	HHA0824073	1	1	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
7	Sinh học	HHA0320142	1	1	2	30	30			
8	Đại số tuyến tính	HHA0819072	1	1	2	30	30			
Cộng:					16	196	196	67	24	
9	Tiếng Anh 2	HHA0813102	2	2	2	30	30			
10	Giáo dục thể chất 2 *	HHA0816021	2	2	1			15		15 / (8 tuần)
11	Xác suất thống kê	HHA0819112	2	2	2	30	30			
12	Hóa đại cương	HHA0809034	2	2	4	50	50	20		20 / (5 tuần)
13	Hóa vô cơ	HHA0809043	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
14	Hóa hữu cơ 1	HHA0210013	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
15	Hóa phân tích 1	HHA0611023	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
Cộng:					17	215	215	95	0	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải